

PHỤ LỤC VI: BẢNG GIÁ ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 100/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
I	XÃ MƯỜNG KIM								
1	Quốc lộ 32	Trường cấp 2	Giáp cầu sắt	425	230	135			
2	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận trường cấp 2	Giáp địa phận xã Mường Cang cũ	225	95	65			
3	QL 279	Tiếp giáp QL32 - Ngã ba Mường Kim	Cầu Mường Kim	395	220	130			
4	QL 279	Cầu Mường Kim	Đường rẽ vào nhà máy thủy điện	205	95	65			
5	QL 279	Tiếp giáp cầu sắt	Hết địa phận trường THPT Mường Kim	205	90	65			
6	Các xã: Tà Mung, Tà Hừa, Pha Mu cũ			110	90	63	74	42	42
7	Xã Mường Kim cũ			260	180	120	130	70	53
II	XÃ KHOEN ON								
1	Xã Khoen On cũ			110	90	65	75	43	43
2	Xã Ta Gia cũ			260	180	120	130	65	54
III	XÃ THAN UYÊN								
1	Đường Điện Biên Phủ	Đầu cầu Mường Cang (Số nhà 634)	Hết ranh giới đất hạt Kiểm lâm (Số nhà 550)	3.000	950	475			
2	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới đất hạt Kiểm lâm (Số nhà 550)	Hết ranh giới đất Sân vận động (Số nhà 548)	2.100	750	340			
3	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh giới đất Sân vận động (Số nhà 631)	Hết ranh giới đất Công an xã (Số nhà 402)	1.850	700	285			
4	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh giới đất Công an xã (Số nhà 402)	Hết ranh giới số nhà 227	1.550	600	250			
5	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 225	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	1.400	550	225			
6	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 352	Đến hết ranh giới thửa đất số nhà 077 dự án chỉnh trang đô thị khu 8	1.850					
7	Phố Lương Định Của	Ngã 3 (Số nhà 002)	Hết ranh giới đất Phòng Cảnh sát PCCC	850	300	165			
8	Phố Lương Định Của	Ranh giới số nhà 084	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh (Hết ranh giới số nhà 106)	400	160	75			
9	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp ngã 3 đường Điện Biên Phủ (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 170 đường Thanh Niên	400	185	95			
10	Đường Thanh Niên	Hết ranh giới nhà ông Đỗ khu 6 (Số nhà 170)	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	260	125	75			
11	Ngõ 620 Đường Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Việt	450	180	85			
12	Phố Lý Tự Trọng	Ranh giới số nhà 002	Đường Thanh Niên (Số nhà 082)	450	180	85			
13	Đường 15/10	UBND xã Than Uyên (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 192	450	180	85			
14	Ngõ 534 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 013	400	160	75			
15	Ngõ 542 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 029	400	160	75			
16	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ (Ranh giới số nhà 551)	650	150	75			
17	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới nhà ông An	Hết ranh giới đất nhà ông Thế	155	105	75			
18	Ngõ 413 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 045	400	160	75			
19	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 016	400	160	75			
20	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp số nhà 018	Hết ranh giới số nhà 092	390	160	75			
21	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới số nhà 092	Hết ranh giới số nhà 131	215	120	75			
22	Ngõ 695 Điện Biên Phủ	Ranh giới đất nhà ông Phan Văn Sơn (Số nhà 002)	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	250	125	75			
23	Ngõ Đi Sen Đông	Tiếp giáp ngã 3 (Ngõ 15 đường Điện Biên Phủ) (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Hồ Bán Đông	250	125	75			
24	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp Ngã 3 (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Nhà khách huyện ủy (Số nhà 017)	1.150	450	210			
25	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp ranh giới đất Nhà khách huyện ủy (Số nhà 020)	Cổng Huyện đội (Số nhà 086)	550	250	110			
26	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đối diện cổng Huyện đội tiếp giáp đất nhà ông Hương Sinh	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	235	125	85			
27	Ngõ 821 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất Hội trường UBND xã (Số nhà 005)	550	250	110			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
28	Đường Tôn Thất Tùng	Ngã tư Ngân hàng Công thương (Số nhà 001)	Ngã tư (Gần số nhà 046)	700	250	140			
29	Đường Tôn Thất Tùng	Ngã 4 (Gần số nhà 083)	Hết ranh giới số nhà 135	400	160	75			
30	Đường Tôn Thất Tùng	Ranh giới số nhà 137	Tiếp giáp đường Thanh Niên	360	140	85			
31	Phố Hoàng Liên	Ngã 3 (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 089	550	250	110			
32	Phố Chu Văn An	Ranh giới đất Honda Trường Thành (Số nhà 001)	Ngã 3 (Hết số nhà 059)	700	250	140			
33	Phố Phạm Ngọc Thạch	Ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp Bờ hồ Than Uyên (Số nhà 046)	450	180	85			
34	Ngõ 18 Nguyễn Chí Thanh	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	600	250	110			
35	Đường sau Sân vận động	Tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 32	Tiếp giáp đường trục 3 (Gần nhà bà Thanh)	450	180	85			
36	Ngõ 193 Đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (Ranh giới đất nhà ông Lộc)	400	160	75			
37	Ngõ 552 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 010	400	160	75			
38	Phố Trần Huy Liệu	Ranh giới số nhà 002	Tiếp giáp đầu cầu khu 8 (Số nhà 016)	400	160	75			
39	Phố Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đầu cầu khu 8 (Số nhà 020)	Hết ranh giới đất nhà ông Thông (Mão) (Số nhà 076)	250	125	75			
40	Ngõ phố Tô Vĩnh Diện	Ranh giới số nhà 01	Hết ranh giới đất nhà ông Quốc Trung	220	115	75			
41	Ngõ 21 Trần Quốc Mạnh	Ranh giới đất nhà ông Nguyễn Đình Hải (Khu 5b)	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	250	125	75			
42	Ngõ 51 Nguyễn Chí Thanh	Ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 026	250	125	75			
43	Ngõ 82 Lương Định Của	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 005	255	125	75			
44	Phố Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 32 (Số nhà 002)	Tiếp giáp số nhà 022	400	305	135			
45	Phố Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp ngã tư 15/10 (Số nhà 028)	Tiếp giáp đường Thanh Niên (Số nhà 066)	255	125	75			
46	Ngõ 17 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 019	255	125	75			
47	Ngõ 23 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	255	125	75			
48	Ngõ 31 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 023	255	125	75			
49	Ngõ 192 đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 192	Tiếp giáp đường Thanh Niên (Số nhà 018)	465	180	85			
50	Ngõ 9 đường 15/10	Ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp đường 15/10 (Số nhà 037)	390	185	95			
51	Ngõ 66 đường 15/10	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 031	255	125	75			
52	Ngõ 32 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Trường Mầm non số 2 (Số nhà 011)	500	200	85			
53	Ngõ 123 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 021	190	95	75			
54	Ngõ 135 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	190	95	75			
55	Ngõ 10 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	235	125	85			
56	Ngõ 2 Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 011	190	95	75			
57	Ngõ 2 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	190	95	75			
58	Ngõ 28 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 025	190	95	75			
59	Ngõ 12 Lương Định Của	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 017	235	125	85			
60	Ngõ 665 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 013	190	95	75			
61	Ngõ 819 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	190	95	75			
62	Ngõ 14 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	190	95	75			
63	Ngõ 476 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 007	190	95	75			
64	Ngách 2 ngõ 458 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp ranh giới số nhà 015	235	125	85			
65	Ngõ 18 đường Thanh Niên	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	235	125	85			
66	Ngõ 181 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 007	155	105	75			
67	Ngõ 119 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 012	155	105	75			
68	Ngõ 483 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 016	190	95	75			
69	Ngõ 73 Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 030	190	95	75			
70	Ngõ 86 đường Thanh Niên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 028	235	125	85			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
71	Ngõ 164 đường Thanh Niên	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 014	190	95	75			
72	Ngõ 88 Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 015	235	125	85			
73	Ngõ 67 Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 012	Hết ranh giới số nhà 034	155	105	75			
74	Ngõ 44 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 004	190	120	85			
75	Ngõ 22 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	190	120	85			
76	Ngõ 36 Lý Tự Trọng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 009	190	120	85			
77	Ngõ 146 đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	155	105	75			
78	Ngõ 110 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 011	155	105	75			
79	Ngõ 23 Tô Vĩnh Diện	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 021	155	105	75			
80	Ngõ 83 Trần Huy Liệu	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	155	105	75			
81	Ngõ 400 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Đến cuối đường (Hết ranh giới số nhà 006)	235	125	85			
82	Ngõ 529 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp ranh giới đất Trạm Y tế (Số nhà 002)	235	125	85			
83	Ngõ 73 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất Công ty ga Hải Vân (Số nhà 005)	235	125	85			
84	Ngõ 159 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 009	190	95	75			
85	Ngõ 122 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001 (đất đấu giá)	Hết ranh giới số nhà 002	155	105	75			
86	Ngõ 36 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 004	155	105	75			
87	Ngõ 62 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	155	105	75			
88	Ngõ 084 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 084	Hết ranh giới số nhà 001	155	105	75			
89	Ngõ 174 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 174	Hết ranh giới số nhà 001	155	105	75			
90	Ngõ 122 đường Thanh Niên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 124	Hết ranh giới số nhà 003	235	125	85			
91	Ngõ 42 phố Trần Huy Liệu	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 017	155	105	75			
92	Ngõ 213 đường Điện Biên Phủ	Từ tiếp giáp ranh giới số nhà 213	Hết ranh giới số nhà 007	155	105	75			
93	Ngõ 54 đường 15 /10	Tiếp giáp Ranh giới số nhà 056	Hết ranh giới số nhà 015	500	200	85			
94	Ngách 8 ngõ 54 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	190	95	75			
95	Ngách 15 ngõ 66 đường 15/10	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 006	190	95	75			
96	Ngõ 532 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 532	Hết ranh giới số nhà 009	390	160	75			
97	Ngõ 429, đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 01	Đến hết ranh giới thửa đất số nhà 10	160					
98	Ngõ 13, đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 01	Hết ranh giới thửa đất số nhà 10	160					
99	Ngõ 103, đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 01	Hết ranh giới thửa đất số nhà 46	160					
100	Ngõ 86 đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 01	Hết ranh giới thửa đất số nhà 12.	160					
101	Nhánh 1 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ nhà bà Thúy Đạt	đến đất nhà ông Nguyễn Thanh Phương	355	220	125			
102	Nhánh 2 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ nhà ông Công Vi	đến Ngã 3 đường đi Mường Mít	355	220	125			
103	Nhánh 3 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ Quốc lộ 32	Ngã 3 đường đi Mường Mít	355	220	125			
104	Nhánh 4 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ Quốc lộ 33	đến đất nhà ông Nguyễn Xuân Chín	355	220	125			
105	Nhánh 5 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ nhà ông Thư (ngã 3 đường nội đồng Khu 9)	Đến nhà bà Đỗ Thị Tuyết	355	220	125			
	Đường quốc lộ đi qua xã Mường Cang cũ								
106	Quốc lộ 32	Tiếp giáp cầu Mường Cang	Cây xăng nhà bà Chử	950	360	140			
107	Quốc lộ 32	Cây xăng nhà bà Chử	Hết đất Ban quản lý rừng phòng hộ	650	255	100			
108	Quốc lộ 32	Tiếp giáp đất Ban quản lý rừng phòng hộ	Hết địa phận xã Mường Cang cũ	320	170	75			
109	Đường nhánh	Tiếp giáp Quốc lộ 32 cầu Mường Cang	Hết ranh giới đất nhà bà Môn	320	180	75			
110	Đường nhánh	Tiếp giáp Quốc lộ 32 cầu Mường Cang	Hết ranh giới đất nhà ở công nhân viên Công ty thủy điện HQ-BC	320	180	75			
	Đường quốc lộ đi qua xã Mường Than cũ								
111	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận thị trấn Than Uyên cũ đến	Hết ranh giới đất ông Nguyễn Bá Trường	550	275	150			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
112	Quốc lộ 32	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Nguyễn Bá Trường	Hết địa phận xã Mường Than cũ	310	180	75			
113	Đường đi bản Xuân Phương - Hua Than Ēn Luông	Từ hết ranh giới đất ông Hải Thủy	Sân vận động Hua Than	355	220	125			
114	Đường nối 279	Nhà máy thủy điện Nà Khảm	HTX dịch vụ nông nghiệp (bản Đông)	355	220	125			
115	Đường bản Ngà	Nhà bà Hoa Sừ	nhà văn hóa bản Ngà	355	220	125			
116	Đường nhánh Hua Nà	Trường THCS Hua Nà	Hết trường mầm non Hua Nà	280	180	120			
117	Đường nhánh	Ngã ba (đường rẽ lên trụ sở UBND xã Hua Nà cũ)	Đầu đường Háy Lăm	280	180	120			
118	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Than Uyên cũ			155					
119	Các xã: Mường Cang cũ, Mường Than cũ			360	220	130	210	126	65
120	Các xã Hua Nà cũ			280	180	120	130	65	53
IV XÃ MƯỜNG THAN									
	Đường quốc lộ đi qua xã Phúc Than cũ								
1	Quốc lộ 32	Cầu Nậm Phang	Đường rẽ vào bản Nà Phát	310	180	75			
2	Quốc lộ 32	Điểm giao với đường rẽ vào bản Nà Phát	Cầu Che Bó	588	294	160			
3	Quốc lộ 32	Cầu Che Bó	Hết địa phận xã Phúc Than cũ	310	180	75			
4	Quốc lộ 279	Ngã ba Quốc lộ 279 đường đi Văn Bản	Hết ranh giới Trạm kiểm lâm	550	275	150			
5	Xã Phúc Than cũ			509	314	181	220	130	70
6	Xã Mường Mít cũ			110	90	65	74	50	42
V XÃ PẮC TA									
1	Xã Pắc Ta cũ			260	160	120	150	95	65
2	Xã Hồ Mít cũ			66	53	42	55	42	32
VI XÃ NẬM SỎ									
1	Xã Nậm Sỏ cũ			70	56	43	55	43	33
2	Xã Tà Mít cũ			65	53	42	55	42	32
VII XÃ TÂN UYÊN									
1	Đường Lê Lợi	Phía Bắc cầu Huổi Chăng Nọi	Hết cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	2.100	1.150	950			
2	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	Hết cổng Tổ 3	1.450	900	700			
3	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Tổ 3	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên (Giáp xã Phúc Khoa cũ)	550	300	250			
4	Đường Lê Lợi	Phía Nam cầu Huổi Chăng Nọi	Hết ranh giới đất Đội thuế	1.550	900	700			
5	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp ranh giới đất Đội thuế	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên cũ (Giáp xã Thân Thuộc cũ)	1.450	900	700			
6	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Lê Lợi (công sân vận động huyện)	Đường Võ Nguyên Giáp	550	300	250			
7	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết đường bê tông trục chính tổ dân phố số 17	270	210	130			
8	Đường 7/3	Đường Lê Lợi (Km381+720)	Hết ranh giới đất Nhà máy chè Than Uyên	550	300	250			
9	Phố Võ Thị Sáu	Đường Lê Lợi (Km381+970)	Đường Võ Nguyên Giáp	550	300	250			
10	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Lê Lợi (Tổ dân phố số 2 đường đi bản Nà Ban)	Cầu qua suối đi Nà Ban	430	285	175			
11	Phố Đặng Thùy Trâm	Đường Lê Lợi (Km381+620)	Phố Phạm Ngọc Thạch	470	310	185			
12	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Lợi (Km381+910)	Phố Đặng Thùy Trâm	750	350	250			
13	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Lê Lợi (Km381+990)	Trạm Y tế thị trấn Tân Uyên cũ	430	290	180			
14	Phố Vũ A Dĩnh	Nguyễn Viết Xuân	Phố Lý Tự Trọng	500					
15	Phố Lý Tự Trọng	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Phố Nguyễn Viết Xuân	500					
16	Nhánh Quốc lộ 32	Trạm Y tế xã Tân Uyên	Cổng nghĩa trang nhân dân	430	285	175			
17	Nhánh Quốc lộ 32	Tiếp giáp Quốc lộ 32	Cuối đường	205	135	110			
18	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 32)	Kè suối Nậm Chăng Luông Khu 32	470	280	175			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
19	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 26)	Kè suối Nậm Chăng Luông (Khu 26)	470	280	175			
20	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 7)	Đường Trường Chinh	470	280	175			
21	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi (Km380+950)	Tiếp giáp khu dân cư khu 7	345	220	145			
22	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Đường đi tổ dân phố 4 cũ	325	210	150			
23	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km382+590)	1.000					
24	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 15)	Điểm giao nhau với đường xung quanh chợ	550	300	250			
25	Đường Hoàng Liên Sơn	Đường Lê Lợi (Km387+00)	Giáp địa phận bản Hồ Be	225	150	115			
26	Đường Lò Văn Hặc	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Ranh giới quy hoạch chung thị trấn Tân Uyên cũ	225	150	115			
27	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Lợi (Km382+940)	Giao với đường tránh QL 32 dự kiến	225	150	115			
28	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km381+530)	Đường Võ Nguyên Giáp	1.000					
29	Phố Lương Đình Của	Đường Trường Chinh	Đường Lê Duẩn	236	125	95			
30	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Lê Lợi (Trụ sở Chi cục thuế huyện)	Tiếp giáp đoạn đường rẽ đi Trường THPT nội trú	650					
31	Phố Chu Văn An	Đường Lê Lợi (Km380+890)	Tiếp giáp Trường THPT nội trú	650					
32	Đường Lê Duẩn	Đường Lê Lợi (Vị trí vòng xuyến)	Hết ranh giới đất Trung tâm viên thông	650					
33	Đường Trần Phú	Đường Lê Lợi (Trụ sở Công an huyện)	Hết ranh giới đất Chi cục thống kê	650					
34	Phố Nguyễn Du	Phố Nguyễn Tuấn (Trụ sở Công ty cầu đường số 3)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	500					
35	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Tuấn (Trụ sở Kho bạc Nhà nước huyện)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	500					
36	Phố Nguyễn Tuấn	Đường Lê Lợi (Km381+080)	Phố Chu Văn An	500					
37	Phố Nguyễn Tuấn	Phố Chu Văn An	Phố Hồ Xuân Hương (Trụ sở Đội thuế)	500					
38	Quốc lộ 32	Hạt Kiểm Lâm huyện	Hết ranh giới đất quy hoạch chung thị trấn Tân Uyên cũ đến năm 2030	572	344	326			
39	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận thị trấn Tân Uyên cũ	Hết ranh giới đất quy hoạch Bến xe, Chợ xã Thẩn Thuộc cũ	530	310	230			
40	Các đường nhánh thuộc mặt bằng dự án: Phát triển quỹ đất bố trí đất ở dân cư			335	185	145			
41	Ngõ 5 đường 7/3	Đường 7/3	Đường Võ Thị Sáu	450	270	170			
42	Các tuyến đường còn lại trong Khu trung tâm hành chính huyện cũ			500					
43	Khu dự án chỉnh trang đô thị gắn với sắp xếp dân cư Tổ dân phố 26 (bản Na Giảng cũ)			500					
44	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Tân Uyên cũ			118					
45	Xã Nậm Cắn cũ			110	74	63	74	53	42
46	Xã Trung Đồng cũ			250	160	120	150	95	63
47	Xã Thẩn Thuộc cũ			290	200	140	160	100	74
VIII	XÃ MƯỜNG KHOA								
1	Xã Mường Khoa cũ			110	75	65	75	56	43
2	Xã Phúc Khoa cũ			300	210	140	160	95	75
IX	XÃ BẢN BO								
1	Quốc lộ 32	Từ trụ sở UBND xã Bản Bo	Đến Nghĩa trang bản Hưng Phong	175	57	33			
2	Khu tái định cư xã Bản Bo (Toàn khu)			180					
3	Xã Bản Bo cũ			85	59	34	57	43	43
4	Xã Nà Tầm cũ			75	53	32	55	42	42
X	XÃ BÌNH LƯ'								
1	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Đình Của	1.400	270	175			
2	Đường Trần Phú	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Đình Của	Tiếp giáp đường 21/9	1.450	320	170			
3	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường 21/9	Hết cầu Mường Cầu	1.050	225	130			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
4	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đầu cầu Mương Cầu	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	470	130	85			
5	Đường nội thị (Quốc lộ 4D cũ)	Cây xăng Thảo Trang	Tiếp giáp xã Hồ Thầu cũ	470	130	85			
6	Đường Tác Tĩnh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết địa phận nhà máy nước	500	130	85			
7	Đường 21/9	Tiếp giáp Trần Phú	Tiếp giáp đất trung tâm hội nghị	1.800	320	175			
8	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp cầu Tiên Bình	Cây xăng Thảo Trang	700	170	125			
9	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Tiên Bình	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	1.150	310	135			
10	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	Tiếp giáp đường 21/9	1.650	320	145			
11	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường 21/9	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	1.650	320	145			
12	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	Hết địa phận thị trấn Tam Đường cũ	1.550	320	145			
13	Đường B1 (Khu TĐC Thác Cạn)	Đầu đường	Cuối đường	445					
14	Phố Nguyễn Đình Thi	Đoạn tiếp giáp đường Trường Chinh	Phố Hồ Xuân Hương	465					
15	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Chương	Phố Nguyễn Đình Thi	465					
16	Đường Nguyễn Chương	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp với đường Thác Tĩnh	520	140	86			
17	Đường Trường Chinh	Phố Nguyễn Đình Thi	Phố Nguyễn Thị Sáu	750					
18	Đường Trường Chinh	Phố Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Văn Linh	900					
19	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Văn Linh	900					
20	Đường Thanh Niên	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	850					
21	Đường Thanh Niên	Đường Nguyễn Văn Linh	Phố Võ Thị Sáu	750					
22	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	750					
23	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	850	185	95			
24	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	750					
25	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	700	170	95			
26	Phố Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Trung tâm Hội nghị	700					
27	Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	600					
28	Phố Xuân Diệu	Công an huyện	Phố Nguyễn Đình Thi	315					
29	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Đình Thi	Đường Nguyễn Chương	295					
30	Phố Kim Đồng	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Văn Linh	700					
31	Phố Kim Đồng	Đường 21/9	Đường Lê Quý Đôn	1.300	310	165			
32	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 tiếp giáp với phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	700					
33	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 phố Kim Đồng	Đường Trần Phú	700					
34	Phố Tô Vĩnh Diện	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	900					
35	Phố Võ Thị Sáu	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	750					
36	Phố Nguyễn Thái Học	Đầu Nguyễn Văn Linh	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	1.300					
37	Phố Nguyễn Thái Học	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	1.450					
38	Phố Lê Văn Tám	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Nguyễn Thái Học	1.450					
39	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tĩnh	Phố Tô Hữu	315	120	85			
40	Phố Tô Hữu	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tĩnh	315	120	85			
41	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	225	170	135			
42	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	150	125	110			
43	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	225	170	135			
44	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	150	125	110			
45	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	225	170	135			
46	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	150	125	110			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
47	Đường Phan Đình Giót	Đường Thanh Niên	Đường Bể Ván Đàn	175					
48	Phố La Văn Cầu	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Hoàng Quốc Việt	325					
49	Phố Nguyễn Du	Đường Trần Phú	Đường Võ Nguyên Giáp	415					
50	Quốc lộ 4D	Từ Trạm Kiểm tra tải trọng 058	Trường mầm non Bình Lư +200m	210	90	75			
51	Đường Vừ A Dính	Giao với nút giao đường Bể Ván Đàn - đường Thanh Niên	Giao với đường Tác Tĩnh	90					
52	Đường Lò Văn Hặc	Giao với đường Võ Nguyên Giáp(Km 57+550, bên trái)	Giao với đường Nguyễn Hữu Thọ	160					
53	Sắp xếp dân cư bản Tác Tĩnh, thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường cũ	Toàn khu		120					
54	Đường Lương Định Của	Đường Trần Phú	Ngã 3 đi bản Nà Đon, xã Bình Lư	480	130	85			
55	Ngõ 1 đường 21/9	Đầu đường	Cuối đường	600					
56	Đường Bể Ván Đàn	Đường Phan Đình Giót	Đường Vừ A Dính	90					
57	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Tam Đường cũ			74					
58	Xã Sơn Bình cũ			170	55	32	55	42	42
59	Xã Bình Lư cũ			190	100	77	153	92	42
XI	XÃ TÀ LÈNG								
1	Di chuyển dân cư bản Phố Hồ Thầu, xã Hồ Thầu, huyện Tam Đường cũ ra khỏi vùng có nguy cơ xảy ra thiên tai (Toàn khu)			120					
2	Xã Hồ Thầu cũ			120	55	32	55	42	42
3	Xã Giang Ma cũ			120	46	33	54	33	33
4	Xã Tà Lèng cũ			75	53	32	53	42	42
XII	XÃ KHUN HÁ								
1	Quốc lộ 32	Giáp địa phận phường Tân Phong	Hết địa phận xã Khun Há	125	75	50			
2	Khu tái định cư Đông Pao 2 (Toàn khu)			120					
3	Khu tái định cư trung tâm xã Bản Hòn (Toàn khu)			120					
4	Các vị trí còn lại trên địa bàn xã Bản Hòn cũ			80	53	32	55	42	42
5	Các vị trí còn lại trên địa bàn xã Khun Há cũ			70	50	32	50	32	32
XIII	XÃ SIN SUỐI HỒ								
1	Khu tái định cư xã Thèn Sin cũ (Toàn khu)			120					
2	Di dân khỏi vùng thiên tai tại bản Pan Khèo, xã Thèn Sin, huyện Tam Đường cũ (Toàn khu)			120					
3	Xã Sin Suối Hồ cũ			160	90	55	75	55	42
4	Xã Nậm Xe cũ			190	100	65	116	74	42
5	Xã Thèn Sin cũ			170	46	33	54	33	33
XIV	XÃ PHONG THỎ								
1	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Pa So	Km 20+200 (Nhà máy nước)	1.600					
2	Đường Điện Biên Phủ	Km20+200	Km21+85 (Hết đường đôi)	1.250	770	300			
3	Đường Điện Biên Phủ	Km21+85 (Hết đường đôi)	Km21+300 (Hết quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn Phong Thổ cũ)	700	300	140			
4	Đường Điện Biên Phủ	Km0	Km1 + 100	1.550					
5	Đường Điện Biên Phủ	Km1 + 100	Km1 + 600	1.250	750				
6	Quốc lộ 4D	Từ Km1 + 600	Km6 + 300	1.035	605	420			
7	Quốc lộ 4D	Km6 + 300 (Trạm xử lý nước sạch Vàng Bó)	Km6 + 900 (Hết địa phận thị trấn Phong Thổ cũ)	395	245	150			
8	Quốc lộ 4D	Km6 + 900	Đầu nối quốc lộ 100	110	70	60			
9	Đường Võ Nguyên Giáp	Km 18 (Ranh giới quy hoạch thị trấn Phong Thổ cũ)	Cầu sang khu ĐC Huôi Luông	650	290	150			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
10	Đường Võ Nguyên Giáp	Đầu cầu sang khu TDC Huổi Luông	Cầu Pa So	1.100					
11	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Pa So	Cầu Hòa Bình	1.250					
12	Phố Bể Văn Đàn	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	950					
13	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Phố Nguyễn Chương	950					
14	Đường Chu Văn An	Phố Nguyễn Chương	Hết Ngân hàng chính sách	950					
15	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Phố Võ Thị Sáu	950					
16	Đường Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Phố Vừ A Dính	750					
17	Đường Chu Văn An	Phố Vừ A Dính	Ngân hàng chính sách	600					
18	Phố Nguyễn Chương	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Đường Chu Văn An	950					
19	Phố Võ Thị Sáu	Trung tâm chính trị	Ngân hàng chính sách	950					
20	Phố Vừ A Dính	Phố Võ Thị Sáu	Đường Chu Văn An	750					
21	Phố Nguyễn Viết Xuân	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	900					
22	Phố Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	900					
23	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp QL12	Tiếp giáp QL12 (Công an xã)	600					
24	Quốc lộ 12	Km21+300 (Hết quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn Phong Thổ cũ)	Km25+500 (Hết địa phận Thị trấn Phong Thổ cũ)	340	210	160			
25	Phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	900					
26	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	900					
27	Phố Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	900					
28	Phố Phan Đình Giót	Tiếp giáp phố Trần Can	Tiếp Giáp đường Võ Nguyên Giáp	900					
29	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Hòa Bình	900					
30	Các tuyến đường thuộc thôn Đoàn Kết			140					
31	Phố đi bộ	Tiếp giáp với đầu cầu Pa So (Km19+800 QL12)	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ (Km20+050 QL12)	1500					
32	Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng								
32.1	Quốc lộ 12	Tiếp giáp đường số 5	Tiếp giáp đường số 8	1.400	900				
32.2	Đường số 4	Tiếp giáp đường số 9	Tiếp giáp đường số 5	530					
32.3	Đường số 5	Tiếp giáp đường số 4	Tiếp giáp đường số 9	400					
32.4	Đường số 8	Tiếp giáp QL 12	Tiếp giáp đường số 3	670					
32.5	Đường số 9	Tiếp giáp đường số 4	Tiếp giáp đường số 5	400					
32.6	Đường số 13 (đường cắt)	Tiếp giáp đường số 3	Cuối đường	530					
32.7	Đường số 15	Tiếp giáp QL 12	Tiếp giáp đường số 1	400					
33	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Phong Thổ cũ			400					
34	Xã Mường So cũ			400					
35	Xã Ma Li Pho cũ			400					
36	Xã Huổi Luông cũ			530					
XV	XÃ DÀO SAN			530					
1	Xã Đào San cũ			530					
2	Xã Tung Qua Lìn cũ, xã Mù Sang cũ			400					
XVI	XÃ SÌ LỜ LẬU			60					
1	Xã Vàng Ma Chải cũ, xã Sỉ Lờ Lầu cũ			380	210	130	150	95	53
2	Xã Mỏ Sỉ San cũ, xã Pa Vây Sừ cũ			230	120	75	120	90	53
XVII	XÃ KHỔNG LÃO			190	100	65	116	74	42
1	Xã Khổng Lão cũ								
2	Xã Hoang Thên cũ, xã Bản Lang cũ			200	100	65	120	74	43

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
XVIII	XÃ TÙA SÍN CHẢI			155	85	55	75	55	42
1	Xã Làng Mỏ cũ, xã Tả Ngáo cũ								
2	Xã Tủa Sín Chải cũ			160	85	55	75	55	43
XIX	XÃ SÍN HỒ			160	85	55	75	55	42
1	Đường Võ Nguyên Giáp	Cổng phòng Tài chính	Ngã tư Bưu điện						
2	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã tư Bưu điện	Hết địa phận chợ	250	130	80	120	85	56
3	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hiền-Hòa (giáp chợ)	Hết ranh giới đất nhà bà Chèo Mỹ Lai	230	120	75	120	85	53
4	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Lai Phòng nông nghiệp)	Tỉnh lộ 128 (Ngã ba- đường vào xã Tả Phìn cũ)						
5	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hùng-Thim	Hết ranh giới đất trụ sở BQLDATĐC	96	55	33	54	32	32
6	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp ranh giới đất BQLDABTDĐC	Hết ranh giới đất nhà ông Từ	66	32	32	32	32	32
7	Đường Võ Nguyên Giáp	Từ ranh giới đất nhà ông Từ	Tỉnh lộ 128 (Nhà văn hóa khu I)						
8	Phố Chu Văn An	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện huyện)	Tiếp giáp ranh giới trường mầm non	800	445	170			
9	Phố Chu Văn An	Ranh giới đất trường Mầm non	Đường Lê Lợi (Ngã ba sân bóng Tùng Dương)	800	445	170			
10	Phố Vừ A Dính	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	620	270	140			
11	Phố Vừ A Dính	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	Đường Trường Chinh	235	125	75			
12	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện)	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	620	270	140			
13	Phố Trần Hưng Đạo	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	Đường Lê Lợi (Ngã ba Bệnh viện)	320	170	100			
14	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Dính	250	130	80			
15	Phố Bế Văn Đàn	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi	620	270	140			
16	Phố Bế Văn Đàn	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp suối Hoàng Hồ (Đầu cầu Hoàng Hồ)	460	230	140			
17	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Lê Lợi (Trung tâm Y tế)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đổi diện chợ cũ)	455	225	140			
18	Đường Lê Lợi	Đường Võ Nguyên Giáp (Ngã ba-Khách sạn Thanh Bình)	Hết cổng Bệnh viện	330	180	95			
19	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Bệnh viện	Giao với đường Lê Duẩn	800	445	170			
20	Đường Lê Lợi	Giao với đường Lê Duẩn	Đường Võ Nguyên Giáp	455	225	140			
21	Phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Chu Văn An	235	140	85			
22	Phố Quang Trung	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trường Chinh	350	180	95			
23	Đường Trường Chinh	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Tp Lai Châu cũ)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Chấn Nưa cũ)	290	130	85			
24	Phố Âu Cơ	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	320	170	95			
25	Phố Lạc Long Quân	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	900	600	310			
26	Đường nội thị	Phố Trần Hưng Đạo	Cổng trường PTDT Nội trú	850	465	300			
27	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Dũng Phòng	Hết cổng trường THCS	800	405	250			
28	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà bà Ninh - Khính	Hết ranh giới đất nhà ông Páo	320	170	95			
29	Đường nội thị	Ranh giới đất Dãy nhà phía sau Thương nghiệp	Hết cổng kho Bạc	190	95	75			
30	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Hết bản Sín Hồ Vây	180	95	65			
31	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp đường nội thị đoạn từ ranh giới đất nhà ông Hiền Hòa (giáp chợ) đến ranh giới đất nhà ông Hùng-Thim	180	95	65			
32	Đường nội thị	Tiếp giáp đường lên bản Dao	Tiếp giáp đường Trường Chinh	180	95	65			
33	Đường nội thị	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Vũ Đình Tây	455	225	140			
34	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Vũ Đình Tây	Đầu cầu Hoàng Hồ (giáp bản Hoàng Hồ)	280	135	85			
35	Đường nội thị	Đầu cầu Hoàng Hồ	Hết bản Hoàng Hồ	190	95	75			
36	Đường nội thị	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp (đi Chấn Nưa)	Đường Lê Lợi đến tiếp giáp suối Hoàng Hồ	190	95	75			
37	Đường nội thị	Tiếp giáp Đường Lê Lợi	Đường nội thị (Đoạn từ đường tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp (đi Chấn Nưa) đến tiếp giáp Đường Lê Lợi)	190	95	75			
38	Đường nội thị giáp dãy nhà phía Tây chợ	Ranh giới đất nhà ông Võ-Cúc	Hết ranh giới đất nhà ông Đình - Cáp	610	365	185			
39	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Sín Hồ cũ			170	80	65			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
40	Xã Sà Dê Phìn cũ, xã Phăng Sô Lin cũ, xã Tả Phìn cũ)			170	80	65			
XX	XÃ HỒNG THU			340	170	140			
1	Xã Hồng Thu cũ, xã Phìn Hồ cũ			340	170	140			
2	Xã Ma Quai cũ			340	170	140			
XXI	XÃ NẬM TẮM			340	170	140			
1	Xã Nậm Tắm cũ			320	170	95			
2	Xã Lũng Thàng cũ, xã Nậm Cha cũ			110					
XXII	XÃ PU SAM CÁP			85	55	32	53	32	32
1	Xã Pa Khóa cũ, xã Noong Héo cũ								
2	Xã Pu Sam Cáp cũ			85	55	32	53	32	32
XXIII	XÃ NẬM CUỐI			96	55	33	54	32	32
1	Xã Nậm Hân cũ								
2	Xã Nậm Cuối cũ			190	80	56	65	43	33
XXIV	XÃ NẬM MẠ			92	55	32	53	32	32
1	Xã Nậm Mạ (gồm xã Căn Co cũ, xã Nậm Mạ cũ)								
XXV	XÃ LÊ LỢI			96	55	33	54	32	32
1	Xã Pú Dao cũ			66	32	32	32	32	32
2	Xã Nậm Pi cũ								
3	Xã Chân Nưa cũ			66	32	32	32	32	32
4	Xã Lê Lợi cũ			96	55	33	54	32	32
XXVI	XÃ NẬM HÀNG								
1	Đường Lê Thái Tổ	Từ tiếp giáp phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp Đường Phan Đình Giót	96	55	33	54	32	32
2	Đường Lê Thái Tổ	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	Cổng Trường THPT						
3	Đường Lê Thái Tổ	Cổng Trường THPT	Khu Trung tâm hành chính	65	46	33	42	32	32
4	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ	Hết cầu Nậm Dòn	55	32	21	32	21	21
5	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp cầu Nậm Dòn	Đường Lê Thái Tổ	185	79	54	65	43	33
6	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	80	58	44	53	32	32
7	Đường Nội thị	Tiếp giáp Phố Tô Vĩnh Diện	Sau nhà nghỉ Phương Huyền						
8	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	Sau Trường THCS thị trấn Nậm Nhùn cũ	445	355	205			
9	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Manh cũ	450					
10	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ (đi bản Nậm Cây)	700	600	350			
11	Đường Lê Duẩn	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	215	140	95			
12	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết cầu Nậm Nhùn	260	180	115			
13	Đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cuối đường (tiếp giáp đường Sông Đà)	420	320	230			
14	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Qua đài truyền hình +500m	420	320	230			
15	Đường Sông Đà	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Đường bến cảng nghiêng	420	320	230			
16	Đường Sông Đà	Tiếp giáp Đường bến cảng nghiêng	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	135	85	75			
17	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng, Nậm Cây	175	130	95			
18	Đường Bế Văn Đàn	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng	Hết Nhà văn hóa bản Noong Kiêng	600					
19	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cầu Nậm Manh	370	295	170			
20	Tỉnh Lộ 127 (đường mới)	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ	200	135	110			
21	Tỉnh lộ 127	Cầu Nậm Nhùn	Tiếp giáp ngã 3 bản Nậm Nhùn	200	135	110			
22	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	140	95	75			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
23	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Bờ kè sông Đà	135	85	75			
24	Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	Bờ kè sông Đà	175	115	85			
25	Đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường Trường Chinh	130	100	75			
26	Đường Lê Quý Đôn	Giao đường Lê Thái Tổ	Giao với bờ kè sông Đà	175	115	85			
27	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	200	135	95			
28	Phố Tô Vĩnh Diện	Giao với đường Phan Đình Giót	Giao với đường Lê Thái Tổ	200	135	95			
29	Phố Hoàng Công Chất	Giao với đường Lê Thái Tổ	Trụ sở UBND xã thị trấn Nậm Nhùn cũ	600	270	190			
30	Đường Nội thị (B1)	Từ tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Lê Thái Tổ	600					
31	Đường Nội thị (D4)	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	600					
32	Đường Nội thị (D5)	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	600					
33	Đường Nội thị (D9)	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	420	320	230			
34	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Nậm Nhùn cũ			370	300	170			
35	Xã Nậm Hàng cũ			420					
36	Xã Nậm Mạnh cũ			600					
XXVII	XÃ MƯỜNG MÔ			600					
1	Xã Mường Mô cũ			600					
2	Xã Nậm Chà cũ			600					
XXVIII	XÃ HUA BUM			600					
1	Xã Hua Bum cũ			84					
2	Xã Vàng San cũ thuộc huyện Mường Tè cũ			80	58	44	53	32	32
XXIX	XÃ PA TÀN			65	44	32	42	32	32
1	Xã Pa Tàn cũ								
2	Xã Nậm Ban cũ			86	59	45	54	32	32
3	Xã Trung Chải cũ			55	32	21	32	21	21
XXX	XÃ BUM NỪA								
1	Xã Bum Nưa cũ			71	46	32	43	32	32
2	Xã Pa Vệ Sủ cũ			70	44	32	42	32	32
XXXI	XÃ BUM TỎ								
1	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Mường Tè 1	Nhà ông Sung Giang	233	101	63	65	43	33
2	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Sung Giang	Hết ranh giới bến xe khách	55	32	21	32	21	21
3	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp bến xe	Dốc Phiêng Ban (Hết ranh giới ông Phan văn Thái)	71	46	32	43	32	32
4	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Phan Văn Thái	Tiếp giáp Nhà ông Quang Thiều						
5	Đường Điện Biên Phủ	Nhà ông Quang Thiều	Hết nhà ông Linh	170	120	79	110	65	65
6	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Linh	Giáp địa phận xã Bum Nưa	55	42	32	42	23	23
7	Đường Chu Văn An	Ranh giới đất Đài truyền hình	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp						
8	Đường Chu Văn An	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+800)	530	310	266			
9	Đường Chu Văn An	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Hết ranh giới công ty Thương Mại	680	355	244			
10	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp với công ty Thương Mại	Tiếp giáp Đài truyền hình	530	310	266			
11	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Phố 25/1	620	340	255			
12	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Điện Biên Phủ Km 279+800	Đường Điện Biên Phủ Km 280+500	620	340	255			
13	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Hết đường bê tông tiếp giáp bản Mán	590	328	260			
14	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ (nhà dưng hạnh)	Đến bờ kè tam cấp (thôn 8)	620	340	255			
15	Đường nội thị	Tiếp giáp cổng trung tâm GDTX	Hết đất nhà bà Chim (thôn 2)	620	340	255			
16	Đường nội thị	Trường THCS	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Đại Cả	620	340	255			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
17	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Pa	Đến nhà Lý Ma Xá	560	310	243			
18	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đường Võ Nguyên Giáp	620	340	255			
19	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Giáp bờ kè suối Nậm Cầu (thôn 10)	620	340	255			
20	Đường nội thị	Trụ sở UBND thị trấn cũ	nhà ông Vàng Văn Thắng (đạo)	440	283	243			
21	Phố Ngô Quyền	Đường Điện Biên Phủ (Km 283+200)	Km 0+330 (hết tuyến đường bê tông)	440	283	243			
22	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+900)	Hết ranh giới đất TTGDTX	470	306	238			
23	Phố Đào Trọng Lịch	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+800)	Tiếp giáp ranh giới đất BCH quân sự	440	283	243			
24	Phố Lý Thường Kiệt	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+700)	Nhà Văn hóa thôn 2	470	306	238			
25	Phố Phạm Ngũ Lão	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+200)	Trung tâm GDTX cũ	440	283	243			
26	Phố Lý Tự Trọng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+300)	Nhà VH bản Bo	450	350				
27	Phố Lê Quý Đôn	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	Km 00+550 (hết tuyến đường nhựa)	500	300	225			
28	Phố Kim Đồng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+500)	Trường THCS thị trấn Mường Tè cũ	440	283	243			
29	Phố Trần Văn Thọ	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+150)	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	440	283	243			
30	Đường Nậm Bum	Đường Chu Văn An (Vị trí - Trại tạm giam công an huyện)	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	440	283	243			
31	Đường Nậm Bum	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã ba đi trung tâm xã Vàng San	440	283	243			
32	Đường Lê Đại Hành	Giao với đường Điện Biên Phủ (VT vòng xuyên khu phố 12 cũ)	Đường Nậm Bum (VT trường mầm non thị trấn cũ)	440	283	243			
33	Đường Võ Nguyên Giáp	Quán Quê Hương (thôn 10)	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km283+700)	440	283	243			
34	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Giao với đường Điện Biên Phủ (nhà Hoa Anh)	PETROLIMEX- Cửa hàng 06	440	283	243			
35	Đường nội thị (Đường vòng bờ kè suối Nậm Cầu)	Cầu Nậm Cầu mới	Giao với đường 32m (Gần cầu TĐC khu phố 1)	440	283	243			
36	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Điện Biên Phủ (Km279+200)	Trung tâm y tế	400	300				
37	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Lê Đại Hành	Ngã ba đi trung tâm xã Vàng San cũ	340					
38	Phố Cù Chính Lan	Đường Lê Đại Hành	Nhà ông Phòng (Huyền)	340	243	195			
39	Phố Nguyễn Tuấn	Đường Võ Nguyên Giáp	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	620	340	266			
40	Phố Võ Thị Sáu	Nhà VH khu phố 12	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	1.256	718	538			
41	Đường Phan Đình Giót	Đường Điện Biên Phủ (Km279+400)	Trụ sở Công ty THHH MTV Liên Phương	550					
42	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đường Võ Nguyên Giáp	680	355	310			
43	Đường nội thị (Đường vòng bờ kè suối Nậm Cầu)	Cầu Nậm Cầu mới	Giao với đường 32m (Gần cầu TĐC khu phố 1)	440	283	243			
44	Đường Trần Đại Nghĩa	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km284+00 đến QL4H)	Nhà máy thủy điện Nậm Xi Lường Tỉnh	840	410	310			
45	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Mường Tè cũ			840	410	310			
46	Xã Can Hồ cũ			770	385	294			
47	Xã Bum Tở cũ			940	460	326			
XXXII	XÃ MƯỜNG TÈ			620	340	255			
1	Xã Mường Tè cũ			440	283	243			
2	Xã Nậm Khao cũ			680	355	310			
XXXIII	XÃ THU LŨM			375	300	225			
1	Xã Ka Lăng cũ			90					
2	Xã Thu Lũm cũ			85	60	44	55	32	32
XXXIV	XÃ PA Ủ			70	45	32	42	32	32
1	Xã Pa Ủ cũ								
2	Xã Tá Bạ cũ			85	60	44	55	32	32
XXXV	XÃ MÙ CẢ			75	46	33	43	32	32
1	Xã Mù Cả								

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
XXXVI	XÃ TÀ TÔNG			71	46	33	43	32	32
1	Xã Tà Tông			70	44	32	42	32	32
XXXIV	XÃ PA Û								
1	Xã Pa Û cũ			60	42	32	43	24	24
2	Xã Tà Bạ cũ			55	42	32	42	23	23
XXXV	XÃ MÙ CẢ								
1	Xã Mù Cả			57	43	32	43	22	22
XXXVI	XÃ TÀ TÔNG								
1	Xã Tà Tông			57	43	32	43	22	22